

Về hai bản Kiều Thái Bình

Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Tài Cẩn
Mạc Tư Khoa

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Tóm tắt

Hai bản *Kiều* Thái Bình tuy được chép lại vào khoảng đầu thế kỉ 20 nhưng còn bảo lưu được khá nhiều vết tích vốn có trong hai bản cổ. Vì vậy chúng giống bản gốc Duy Minh Thị [D.M.Thị] ở khá nhiều phương diện: từ ngữ, từ dạng, những chỗ sai sót, cứ liệu kị húy, cứ liệu phương ngữ Nghệ Tĩnh, v.v. Hai bản này lại có những chi tiết mật thiết liên quan đến Nguyễn Du. Từ những điểm trên đây chúng tôi gắng thử đề xuất một giả thiết về lai lịch *Truyện Kiều*.



1.

Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (do Ts Mai Quốc Liên làm Giám đốc) có gửi tặng chúng tôi hai bản Kiều Nôm mới phát hiện được ở Thái Bình:

Một bản ngoài bìa đề:

Minh Mệnh lục niên, ngũ nguyệt, ngũ nhật

Nguyễn Du phóng tác

CẢO THƠM TÌNH SỬ THÀNH NAM ÂM VẠN VĂN

Bản này chúng tôi tạm gọi tắt là BẢN MINH MỆNH LỤC NIÊN.

và một bản ngoài bìa không đề gì cả, nhưng gần cuối truyện có chú thích

“Ông Trần Văn Tất sao theo bản tại từ đường họ Đoàn”.

Bản này chúng tôi tạm gọi tắt là BẢN HỌ ĐOÀN.

2.

Hai bản này đều chép tay, chắc vào khoảng đầu thế kỉ 20:

- Bản Minh Mệnh lục niên có rất nhiều chỗ không giống bản nào khác mà chưa chép theo đúng bản Kiều Oánh Mậu;
- Bản Họ Đoàn thì đã ghi chép cả bài tựa chữ Hán cả một số bài thơ Nôm của Chu Mạnh Trinh.

Nhưng chắc trong khi sao chép lại như vậy, hai gia đình đang còn nhớ nhiều đoạn hay, còn sót lại một số tờ của hai bản cổ xưa kia nên chúng ta không lạ gì trước một điều tưởng chừng như mâu thuẫn: cả hai bản đều đang bảo lưu được một số vết tích hiếm, chưa giống một mình bản gốc bản D.M.Thị mà thôi.

Ví dụ ở bản Minh mệnh lục niên, những câu sau đây đều ăn khớp với D.M. Thị, khác tất cả mọi bản, nhất là các bản của Huế và miền Bắc¹:

- câu 216: *Hương thừa NHƯỜNG hãy ra vào đâu đây* (các bản khác: DUỜNG);
- câu 288: *Tuần trăng thám thoát nay đà TRÒN hai* (các bản khác: THÈM hai, ĐẦY hai);
- câu 315: *BẦY lâu mới được một ngày* (các bản khác: MẦY lâu);
- câu 566: *TIẾNG CÂY quyên nhật, BÃNG trời nhận thừa* (các bản khác: ĐÀU CÀNH quyên nhật, CUỐI trời nhận thừa);
- câu 754: *Đã đành nước chảy, BÈO trôi lỡ đường / lỡ làng* (các bản khác: HOA trôi);
- câu 799: *Trên yên NHÁC THẤY THANH dao* (các bản khác: SẴN CÃ CON dao);
- câu 802: *Dao này thì liệu với thân PHẬN này* (các bản khác: với thân SAU này);
- câu 892: *Tiếng oan đã muốn RẠCH trời kêu lên* (các bản khác: VẠCH trời);
- câu 895: *Xót con lòng nặng BÌ BÌ* (các bản khác: CHÈ CHÈ);
- câu 1292: *Lại vừa gặp khoảng NGHIÊM đường lại què* (các bản khác: XUÂN đường);
- câu 1311: *Rõ RÀNG trong ngọc trắng ngà* (các bản khác: Rõ MÀU);
- câu 1351: *Cúi đầu luồn DƯỚI mái nhà* (các bản khác: luồn XUỐNG);
- câu 1390: *SÓT LÒNG ƠI HỒI / E HÃY tính bài phân chia* (các bản khác: NẶNG LÒNG E ẤP tính bài phân chia);
- câu 1524: *Kẻ đi muôn dặm một mình PHA PHÔI* (các bản khác: XA LÔI);
- câu 1548: *Kiến trong miệng chén CÃ bò đi đâu* (các bản khác: LẠI bò);
- câu 1605: *VÃ câu vừa gióng dậm trường* (các bản khác: ROI câu);
- câu 1667: *Di hài nhật GÃI về nhà* (các bản khác: nhật SẤP; nhật NHẠNH);

- câu 1669: *Lễ thường đã VẸN một hai* (các bản khác: *đã ĐỦ*);
- câu 1873: *ĐẾN NAY mới BIẾT ĐẦU ĐUÔI* (các bản khác: *BÂY GIỜ mới RÕ TÂM HỒI*);
- câu 1945: *RẰNG cam chịu bạc với tình* (các bản khác: *Đã cam...*);
- câu 2425: *CHẠM xương chếp dạ xiết chi* (các bản khác: *KHẮC xương*);
- câu 2665: *Ma GIỮ lối, qua đưa đường* (các bản khác: *ĐƯA / ĐẮC / DẪN*);
- câu 2849: *Có khi vắng vẻ HUƠNG phòng* (các bản khác: *THƯ phòng*);

3.

Bản họ Đoàn có khoảng mười câu chưa giống D.M. Thị như vậy. Ví dụ:

- câu 169: *Dưới cầu DÀI NƯỚC trong veo* (các bản khác: *NƯỚC CHẢY*);
- câu 775: *THỐT CHI thân phận tôi đòi* (các bản khác: *SÁ chi*);
- câu 325: *Xương mai tính đã RÒN mòn* (các bản khác: *RỮ mòn, THẬU mòn*);
- câu 1266: *Giấc hương quan luống NHỮNG mơ canh dài* (các bản khác: *luống LẦN mơ canh dài*);

Điều đáng chú ý là có một câu cả 3 bản D.M. Thị, họ Đoàn và Minh Mệnh lục niên tạo thành một khối thống nhất, cùng đi theo một dị bản, trong lúc các bản còn lại đều đi theo một dị bản khác hẳn, ví dụ:

- câu 588: *Phải tên xung xuất LÀ thằng bán tơ* (các bản khác: *TAI*);
- câu 937: *Đổi hoa lót DƯỚI chiếu nằm* (các bản khác: *lót XUỐNG*);
- câu 1695: *MỆNH cung đang mắc nạn to* (các bản khác: *BỘT cung*);

Hơn nữa sự giống nhau tay đôi tay ba nhiều khi còn thể hiện ra ở cả cách viết với tự dạng đặc biệt, ví dụ:

- câu 681: *Cũng đờng TÍNH/1 quán TÍNH/2 quanh*: cả bản D.M. Thị cả bản Minh Mệnh lục niên đều viết TÍNH/1 đủ nét, TÍNH/2 thiếu nét trong lúc các bản khác đều thay TÍNH/2 bằng TOAN)
- câu 331: *NGÀN NGỪ nàng mới thừa rằng* (ở cả ba bản, trong lúc các bản khác tuy đọc “ngàn ngư” (Nguyễn Quảng Tuân) hay đọc “ngản ngo” (Nguyễn Bá Triệu) nhưng lại đều chép là NGĂN NGỖ);
- câu 3020: *Bèo trôi sóng vỗ chốc mười NĂM năm* (ở cả 3 bản, LĂM đều chép thành NĂM);
- câu 3070: *Mười NĂM năm ấy biết bao nhiêu tình* (LĂM cũng đổi thành NĂM ở trong cả 3 bản);

Về mặt kỹ huý, cả hai bản Thái Bình đều không kiêng tên Thiệu Trị, Tự Đức và đều xử lý theo lối Liễu Văn Đường: vừa có cách tân, vừa có bảo lưu một số lối kiêng kỹ của D.M. Thị. Về

mặt vết tích cách viết Nôm theo phương ngữ Nghệ Tĩnh hai bản cũng đều còn giữ lại được khoảng gần một nửa.

Tất cả những cứ liệu trên đây cho thấy: giữa ba bản có một sự giống nhau chắc không phải do ngẫu nhiên đưa lại.

4.

Chúng ta càng tin chắc điều đó khi thấy sự giống nhau xảy ra không chứa ở các trường hợp có từ ngữ cổ, từ ngữ đúng, từ ngữ hay, (ví dụ: *Ma GIỮI lối* chứ không phải ĐUA, DẪN, DẮT: “*Xuong mai tính đã RÒN MÒN*” chứ không phải là RỮ MÒN, THẤU MÒN, v.v.); mà còn xảy ra ở cả những khi văn bản D.M. Thị bị sai hay chưa được nhuận sắc. Ví dụ bản Minh Mệnh lục niên sai như bản D.M. Thị ở những câu:

- câu 555: *Đã nguyên ĐÔI CHỮ đồng tâm* (lẽ ra là HAI CHỮ);
- câu 956: *Ngây thơ chẳng biết VỚI danh phận gì* (lẽ ra là LÀ);
- câu 1206: *Người ta ai CÃ tiên hoài đến đây* (lẽ ra là MÁT);
- câu 1449: *Sinh rằng: XÓT phận bọt bèo* (lẽ ra là CHÚT PHẬN);

Ví dụ bản họ Đoàn sai như bản D.M. Thị:

- ở câu 1958: *PHỦ TRÂM cũng mặc lúc nào rũi may* (lẽ ra là NỐI CHÌM);

Sai như D.M. Thị, điều đó càng ủng hộ cho các điểm trên, cùng tạo thành một hệ thống chứng cứ chứng tỏ rằng: qua mối quan hệ giữa ba bản chắc là một mối quan hệ có lí do sâu xa trong lịch sử.

5.

Bên cạnh những điều vừa nói trên đây trong hai bản này lại đang còn mấy chi tiết cực kì quan trọng nữa:

- Cả hai bản có vết tích cổ đều tìm ra được ở Thái Bình, quê hương bên vợ của cụ Nguyễn Du;
- Bản họ Đoàn chính là bản chép lại từ bản từ đường gia đình Đoàn Nguyễn Tuân, anh vợ đồng thời là bạn thân Cụ Nguyễn Du;
- Và trong bản Minh Mệnh lục niên lại còn có chú thích thêm một câu thật bất ngờ (ở mặt phía sau bìa): “bản này chép lại từ bản có niên biểu Cảnh Hưng thứ tứ thập” (tức năm Kỷ Hợi 1779, năm Cụ Nguyễn Du mới lên 14 tuổi!).

6.

Cả bản Minh Mệnh lục niên cả bản họ Đoàn đều có vết tích rất cổ lại đều có những chi tiết đáng lưu ý như trên, nên chúng tôi xin thử đưa ra một giả thuyết để gắng giải thích. Giả thuyết này nhà Kiều học Nguyễn Thạch Giang đã từng phát biểu trước đây², tuy nó chưa được đồng

tình³. Nhưng nay chúng tôi xin mạnh dạn nhắc lại để ủng hộ với hi vọng may gì về sau còn có người thu thập thêm chứng cứ và củng cố tiếp.

G.s. Thạch Giang đã đưa ra một tài liệu quan trọng của Huế: bản sao bản *Vương Thuý Kiều truyện* – Cổ Hoan Nghi Tiên Nguyễn gia tàng bản chép tay vào năm Kỷ Hợi, Cảnh Hưng thứ 40 (1779). Thì bản Minh Mệnh lục niên ở Thái Bình cũng đưa ra một chú thích nói chép lại từ bản Kiều đúng năm đó!

Khó nghĩ đến một sự trùng hợp ngẫu nhiên! Vậy xin xuất phát từ ý chính của G.s. Thạch Giang và tạm suy rộng ra như sau:

* Năm 1771 Cụ Nguyễn Du cùng mẹ theo cha về trí sĩ ở Tiên Điền rồi lại bị tang cha (1775) tang mẹ (1668) liên tiếp, nên đành phải lưu lại quê nhà, theo tục lệ thì ít nhất cũng phải ở đến năm 1781: đó là thời gian Cụ vừa học hành, vừa cư tang, vừa sang thư viện Phúc Giang sưu tầm sách quý. Cụ may mắn gặp được truyện *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân, và Cụ mê. Năm 1879 Cụ đã tóm lược xong toàn bộ đề cương. Và chắc thỉnh thoảng Cụ cũng đã có thử diễn Nôm, phác qua đây đó một số hồi, một số đoạn: chỉ mới dám phác qua, bởi vì tuổi thì đang trẻ, cuộc sống thì đang bận bịu, chuyện học hành thi cử đang còn được gia đình, dòng họ coi là chuyện chính, phải để ngay lên hàng đầu, đặt cao hơn hẳn chuyện thơ chuyện văn.

* Sau khi ra kinh đô thi đỗ tam trường, rồi gặp phong trào Tây Sơn, Cụ về quê vợ ở. Chính trong thời gian ở tại gia đình họ Đoàn này Cụ mới quay trở lại bản đề cương và bản phác thảo đem từ quê hương ra. Cụ đã trở hết tài năng. Và cuối cùng Cụ cũng đã: nhuận sắc lại được thành một bản Kiều Nôm khả dĩ cho là hoàn chỉnh với 3.254 câu, văn chương chữ nghĩa đã được khá định hình. Việc đồn tin đến tai bạn bè rồi đến tai Cụ Phạm Quý Thích chắc xảy ra ở giai đoạn này. Và việc các bản *Kiều* ở Bắc chưa có vết tích Nghệ, không có vết tích Huế chắc cũng là do sao lại từ bản gốc có ở gia đình họ Đoàn thời gian này.

* Cuối cùng đến lượt trở về lại Tiên Điền sau năm 30 tuổi. Chắc hẳn thời gian này *Truyện Kiều* đã có tiếng vang lớn: việc sao chép, truyền bá đã bắt đầu rộ lên, tuy thời gian này và thời gian vào làm quan ở Huế chắc Cụ cũng đang còn có thể có chuyện tiếp thu, hay tự nhuận sắc thêm ở câu này câu nọ.

7.

Lại lịch *Truyện Kiều* hiện đang còn là một điều bí ẩn. Cứ liệu thu thập được vẫn đang còn quá ít ỏi. Những gì chúng tôi nêu trên đây nhân đọc 2 bản *Kiều* Thái Bình – cũng đều mới chưa là một sự hình dung đại khái, khá liêu lĩnh. Liêu lĩnh nhưng cần thiết. Liêu lĩnh vì chưa nói theo suy luận chủ quan, không có nhiều chứng cứ đầy đủ trọng lượng. Nhưng cần thiết vì dấu sao cũng phải nói ra để có người có thể theo đó tiếp tục tìm tòi, cân nhắc, và giải quyết tiếp.



¹ Khi nói đến các bản khác, không giống D.M.Thị chúng tôi lưu ý nhiều đến các bản miền Bắc và miền Trung (Huế). Hai bản Trương Vĩnh Kí và D. Michels chúng tôi không tính đến vì ai cũng biết là chúng chịu ảnh hưởng bản D.M. Thị quá nặng.

² Thạch Giang – *Thơ Quốc âm Nguyễn Du*. Nhà xuất bản Giáo dục, 1996.

³ Đào Thái Tôn – *Văn bản Truyện Kiều*. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 2001.